

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

***Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010***

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

**Báo cáo tài chính quý
 II năm 2010(chưa kiểm
 toán)**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.908.923.740	105.026.782.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.212.411.090	1.376.981.394
1. Tiền	111	V.01	3.212.411.090	1.376.981.394
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	3.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.130.692.606	72.155.141.102
1. Phải thu khách hàng	131		14.980.742.362	10.181.578.933
2. Trả trước cho người bán	132		12.526.848.023	62.208.072.483
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	416.549.212	558.936.677
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(793.446.991)	(793.446.991)
IV. Hàng tồn kho	140		27.509.294.292	27.862.862.860
1. Hàng tồn kho	141	V.04	27.509.294.292	27.947.150.271
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(84.287.411)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.056.525.752	631.797.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		732.207.789	125.454.035
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	833.141.493	250.317.211
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		491.176.470	256.026.339
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		159.455.311.086	114.048.402.329

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		157.310.058.681	112.756.754.355
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	151.326.355.120	33.274.641.114
- Nguyên giá	222		213.052.048.938	86.735.352.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.725.693.818)	(53.100.657.457)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	170.367.632	77.663.558
- Nguyên giá	228		373.685.314	268.037.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(203.317.682)	(190.373.756)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	5.813.335.929	79.404.449.683
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.145.252.405	1.291.647.974
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.145.252.405	1.291.647.974
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		219.364.234.826	219.075.185.270

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		152.557.457.133	151.826.629.735
I. Nợ ngắn hạn	310		82.004.797.543	74.873.970.145
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	70.307.516.954	66.393.217.855
2. Phải trả người bán	312		7.782.144.244	3.998.275.723
3. Người mua trả tiền trước	313		301.054.064	172.575.227
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	42.872.495	479.799.538
5. Phải trả người lao động	315		1.109.499.660	1.802.192.803
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.537.495.870	1.186.596.905
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	255.200.971	547.670.106
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		669.013.285	293.641.988
II. Nợ dài hạn	320		70.552.659.590	76.952.659.590
1. Phải trả dài hạn người bán	321			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	V.19		
3. Vay và nợ dài hạn	324	V.20	70.430.364.485	76.830.364.485
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.21		
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		122.295.105	122.295.105
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.806.777.693	67.248.555.535
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	66.806.777.693	67.248.555.535
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.825.720.000	48.825.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		928.856.500	928.856.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.718.442.880	8.216.732.166
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.537.660.883	1.191.112.257
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.796.097.430	8.086.134.612
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
3.				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219.364.234.826	219.075.185.270

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Th uyế t m i nh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		85.562.289	85.562.289
5. Ngoại tệ các loại			
Ngoại tệ USD		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

*Việt Trì, ngày 20 tháng 7 năm
2010***Lập biểu****TP kế toán****Tổng giám đốc****Lê Thị Minh Hoa****Lai Thị Hanh Nga****Đào Quang Tuyển**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

	Chi tiêu	Mã số	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	36.052.029.386	38.611.335.963	65.821.235.092	77.060.786.572
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		17.330.080	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		36.052.029.386	38.611.335.963	65.803.905.012	77.060.786.572
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	27.030.108.402	31.752.531.698	51.703.569.448	63.224.495.324
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.021.920.984	6.858.804.265	14.100.335.564	13.836.291.248
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	13.978.680	16.944.685	154.940.184	23.395.535
7.	Chi phí tài chính	22	VI.28	4.331.030.088	629.576.928	7.784.146.051	1.495.124.886
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.328.258.838	629.576.928	7.784.146.051	1.495.124.886
8.	Chi phí bán hàng	24		1.793.088.940	2.246.047.937	3.484.747.954	4.244.985.943
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.809.691.747	2.859.300.068	5.048.526.155	5.016.230.588
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.088.889	1.140.824.017	(2.062.144.412)	3.103.345.366
11.	Thu nhập khác	31		501.634.637	1.336.076.350	3.252.764.471	2.984.377.098
12.	Chi phí khác	32		435.178.383	338.684.525	704.599.225	2.492.360.263
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		66.456.254	997.391.825	2.548.165.246	492.016.835
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		168.545.143	2.138.215.842	486.020.834	3.595.362.201
15.	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	21.068.143	267.276.980	60.752.604	449.420.275
16.	Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		147.477.000	1.870.938.862	425.268.230	3.145.941.926
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

*Việt Trì, ngày 20
tháng 7 năm 2010*

Lập biểu
Lê Thị Minh Hoa

TP Kế toán
Lai Thị Hạnh Nga

Tổng giám đốc
Đào Quang Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý II năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		68.569.780.349	80.282.558.443
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(40.254.611.109)	(25.950.938.545)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.901.695.216)	(7.018.601.509)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.752.368.224)	(857.049.646)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(510.554.344)	(233.815.120)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		409.666.265	1.679.644.614
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.185.942.872)	(11.716.497.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.374.274.849	36.185.300.957
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(656.254.436)	(3.742.895.805)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		51.170.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.940.184	22.858.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(450.144.252)	(3.720.037.689)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		49.180.975.492	44.831.242.600
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(59.269.676.393)	(54.208.369.104)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.088.700.901)	(9.377.126.504)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.835.429.696	23.088.136.764

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.376.981.394	1.209.093.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	3.212.411.090	24.297.230.110

-

*Việt Trì, ngày 20 tháng
7 năm 2010***Lập biểu****TP kế toán****Tổng giám đốc***Lê Thị Minh Hoa**Lai Thị Hạnh Nga**Đào Quang Tuyển*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý II năm 2010***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được kỳ họp thứ 5, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 12/06/1999; Quyết định số 3557/QĐ-BCN ngày 26 tháng 10 năm 2005 và số 4126/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Hoá chất Việt Trì thành Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì.

Trụ sở chính của Công ty tại Phố Sông Thao - Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty là: 48.825.720.000 đồng tương đương 4.882.572 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất hoá chất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1803000362, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 05 ngày 20 tháng 11 năm 2009, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất xút (NaOH), Axit HCl, Clo lỏng (Cl₂), Javen (NaClO), thủy tinh lỏng (Na₂SiO₃), Silica Powder (SiO₂); Phân bón tổng hợp NPK; Các chất giặt rửa và các sản phẩm hóa chất có gốc Clo như: BaCl₂, CaCl₂, ZnCl₂, phèn lắng nước Poly Aluminium Chloride Al(OH)_nCl_{3-n} (PAC).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm do đơn vị tự ước lượng mà chưa căn cứ trên cơ sở số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	6 – 12 năm
- Các tài sản thiết bị khác	05 – 10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông trong công ty.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành bổ sung từ lợi nhuận sau thuế nhưng chưa tính cho từng cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

**Báo cáo tài chính
 quý II năm 2010 (chưa kiểm toán)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01 - Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2010	01/01/2010
- Tiền mặt	19.837.360	11.423.126
- Tiền gửi ngân hàng	3.192.573.730	1.365.558.268
- Tiền đang chuyển		
Tổng cộng	3.212.411.090	1.376.981.394
		-
02 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		3.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Tổng cộng	-	3.000.000.000
		-
03 - Các khoản phải thu ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
- Phải thu về cổ phần hóa		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Các khoản phải thu khác	416.549.212	558.936.677
Tổng cộng	416.549.212	558.936.677
		-
04 - Hàng tồn kho	30/06/2010	01/01/2010
- Hàng mua đang đi trên đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	19.431.077.511	20.551.997.771
- Công cụ, dụng cụ	1.725.383.213	1.116.948.795
- Chi phí SX, KD dở dang	1.164.907.676	740.903.599
- Thành phẩm	5.187.925.892	5.537.300.106
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bao thuế		

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Hàng hóa bất động sản

Cộng giá gốc hàng tồn kho	27.509.294.292	27.947.150.271
----------------------------------	-----------------------	-----------------------

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm :

* Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho - 84.287.411

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho 27.509.294.292 27.153.703.280

05 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước 30/06/2010 01/01/2010

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước: 833.141.493 250.317.211

Tổng cộng 833.141.493 250.317.211

06 - Phải thu dài hạn nội bộ 30/06/2010 01/01/2010

- Cho vay dài hạn nội bộ

- Phải thu dài hạn nội bộ

khác

Tổng cộng - -

07 - Phải thu dài hạn khác 30/06/2010 01/01/2010

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

- Các khoản tiền nhận uỷ

thác

- Cho vay không có lãi

- Phải thu dài hạn khác

Tổng cộng - -

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<i>Ngày 01/01/2010</i>	31.371.587.918	51.753.932.622	2.956.998.565	292.779.466	-	86.375.298.571
- Mua trong kỳ	202.967.733	3.439.197.018	895.353.917			4.537.518.668

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.000.000.000	118.000.000.000				123.000.000.000
- Tăng khác						-
- Chuyển sang TSCĐVH						-
- Thanh lý, nhượng bán		294.557.421				294.557.421
- Giảm khác		566.210.880				566.210.880
Ngày 30/6/2010	36.574.555.651	172.332.361.339	3.852.352.482	292.779.466	-	213.052.048.938
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Ngày 01/01/2010	19.541.069.638	31.501.809.193	1.877.249.351	180.529.275	-	53.100.657.457
- Khấu hao trong kỳ	727.433.686	8.033.136.526	146.492.602	7.223.376		8.914.286.190
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán		289.249.829				289.249.829
- Giảm khác						-
Ngày 30/6/2010	20.268.503.324	39.245.695.890	2.023.741.953	187.752.651	-	61.725.693.818
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						-
- Tại ngày 01/01/2010	11.830.518.280	20.252.123.429	1.079.749.214	112.250.191	-	33.274.641.114
- Tại ngày 30/06/2010	11.103.084.594	15.663.491.513	1.828.610.529	105.026.815	-	28.700.213.451

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay(đồng):

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (đồng):

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện:

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09 - Tăng, giảm tài sản số định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC					
Ngày 01/01/2010					
- Thuê tài chính trong kỳ					
- Mua lại TSCĐ thuê TC					
- Tăng khác					
- Trả lại TSCĐ thuê TC					
- Giảm khác					
Ngày 30/6/2010					

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 01/01/2010					
- Khấu hao trong kỳ					
- Mua lại TSCĐ thuê TC					
- Tăng khác					
- Trả lại TSCĐ thuê TC					
- Giảm khác					
Ngày 30/6/2010					
Giá trị CL của TSCĐ thuê TC					
- Tại ngày 01/01/2010					
- Tại ngày 30/06/2010					

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Ngày 01/01/2010				268.037.314	268.037.314
- Mua trong kỳ				105.648.000	105.648.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					
Ngày 30/6/2010	-	-	-	373.685.314	373.685.314
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 01/01/2010				190.373.756	190.373.756
- Khấu hao trong kỳ				12.943.926	12.943.926
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Ngày 30/6/2010	-	-	-	203.317.682	203.317.682
Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
- Tại ngày 01/01/2010		-	-	77.663.558	77.663.558
- Tại ngày 30/06/2010	-	-	-	170.367.632	170.367.632

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	30/06/2010	01/01/2010
- Tổng số chi phí XDCB dở dang	5.813.335.929	79.404.449.683
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Công trình Xút Membrane	-	70.532.243.001
+ Các hạng mục khác	5.813.335.929	8.872.206.682
Tổng cộng	5.813.335.929	79.404.449.683

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư	-			
Khoản mục	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2010
Nguyên giá BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				-

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

-

13- Đầu tư dài hạn khác:	30/06/2010	01/01/2010
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Tổng cộng	-	-

14- Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
- Chi phí trả trước dài hạn	2.145.252.405	1.291.647.974

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình		
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Lợi thế doanh nghiệp	-	-
Tổng cộng	2.145.252.405	1.291.647.974

15 - Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2010	01/01/2010
- Vay Ngân hàng Công thương Nam Việt Trì	40.194.133.229	26.358.950.768
- Vay Ngân hàng ĐT và PT Phú Thọ	8.055.624.791	9.780.617.078
- Vay Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	12.000.000.000	20.000.000.000
- Vay của Công nhân viên	10.057.758.934	10.253.650.009
Tổng cộng	70.307.516.954	66.393.217.855

16 - Thuế và các khoản nộp nhà nước	30/06/2010	01/01/2010
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.068.143	470.869.883
- Thuế thu nhập cá nhân	21.804.352	8.929.655
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Tổng cộng	42.872.495	479.799.538

17 - Chi phí phải trả	30/06/2010	01/01/2010
- Trích trước chi phí lãi vay của CNV + Tổng Cty HCVN	679.991.531	235.040.642
- Chi phí phải trả khác (tiền vận chuyển)	607.504.339	951.556.263
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	250.000.000	-
Tổng cộng	1.537.495.870	1.186.596.905

-

-

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
- Tài sản thừa chờ xử lý		-
- Kinh phí công đoàn	23.300.846	26.955.683
- Bảo hiểm xã hội	88.799.125	67.629.009
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả cổ tức năm 2008	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.000.000	
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	(33.899.000)	453.085.414
Tổng cộng	255.200.971	547.670.106
	-	-
19 - Phải trả dài hạn nội bộ	30/06/2010	01/01/2010
- Vay dài hạn nội bộ		
-		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Tổng cộng	-	-

20 - Vay và nợ dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
a. Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	70.430.364.485	76.830.364.485
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
b. Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Tổng cộng	70.430.364.485	76.830.364.485
- Các khoản nợ thuê tài chính	-	-

	30/06/2010			01/01/2010		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm						
Trên 5 năm						

21 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

30/06/2010

01/01/2010

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ các năm trước
- **Thuế thu nhập hoãn lại phải**

trả**22- Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
A	1	2	4	5	6	7	8
Số dư ngày 01/01/2009	44.387.130.000	928.856.500	5.506.269.997	636.699.541	13.244.303.778		64.703.259.816
- Tăng vốn trong năm trước	4.438.590.000						4.438.590.000
.-Lãi trong năm trước					8.086.134.612		8.086.134.612
- Tăng khác			2.710.462.169	554.412.716		-	3.264.874.885
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Lỗ trong năm trước							-
- Giảm khác					13.244.303.778		
Số dư ngày 31/12/2009	48.825.720.000	928.856.500	8.216.732.166	1.191.112.257	8.086.134.612		67.248.555.535
Số dư ngày 01/01/2010	48.825.720.000	928.856.500	8.216.732.166	1.191.112.257	8.086.134.612		67.248.555.535
- Tăng vốn trong năm nay	-						-
- Lãi trong kỳ					425.268.230		425.268.230

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Tăng khác			1.501.710.714	346.548.626			1.848.259.340
- Giảm trong kỳ					2.715.305.412		2.715.305.412
Lỗi trong kỳ							
Giảm khác							-
Số dư ngày 30/06/2010	48.825.720.000	928.856.500	9.718.442.880	1.537.660.883	5.796.097.430	-	66.806.777.693

- - - - -

<i>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	30/06/2010	01/01/2010
---	-------------------	-------------------

- Vốn góp của các cổ đông	48.825.720.000	48.825.720.000
Trong đó: Vốn Nhà nước	32.814.470.000	32.814.470.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.011.250.000	16.011.250.000

Cộng

-

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

<i>c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	30/06/2010	01/01/2010
---	-------------------	-------------------

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.825.720.000	48.825.720.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối kỳ	48.825.720.000	48.825.720.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

<i>d. Cổ tức</i>	30/06/2010	01/01/2010
-------------------------	-------------------	-------------------

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán : -
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa thực hiện được ghi nhận:

<i>e. Cổ phiếu</i>	30/06/2010	01/01/2010
---------------------------	-------------------	-------------------

- Số lượng cổ phiếu được phép đăng ký phát hành
 - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi
 - Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - + Cổ phiếu phổ thông
 - + Cổ phiếu ưu đãi
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - + Cổ phiếu phổ thông
- 4.882.572 4.882.572

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

	4.882.572	4.882.572
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ</i>		

<i>f. Các quỹ của doanh nghiệp</i>	11.256.103.763	9.701.486.411
- Quỹ đầu tư phát triển	9.718.442.880	8.216.732.166
- Quỹ dự phòng tài chính	1.537.660.883	1.191.112.257
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	293.641.988

** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp*

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

-

23 - Nguồn kinh phí	30/06/2010	01/01/2010
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		

24 - Tài sản thuê ngoài	30/06/2010	01/01/2010
<i>(1) - Giá trị tài sản thuê ngoài</i>		
- TSCĐ thuê ngoài		
- Tài sản khác thuê ngoài		
<i>(2) - Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không huỷ ngang theo các thời hạn</i>		
- Từ 1 năm trở xuống		
- Trên 1 đến 5 năm		
- Trên 5 năm		

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	36.052.029.386	38.611.335.963
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	36.052.029.386	38.611.335.963
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính

26 - Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	-	
- Thuế GTGT phải nộp		
- Thuế tiêu thu đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
		-
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	36.052.029.386	38.611.335.963
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	36.052.029.386	38.611.335.963
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
28 - Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.030.108.402	31.752.531.698
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	483.719.685
Tổng cộng	27.030.108.402	32.236.251.383
29 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.978.680	16.944.685
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Tổng cộng	13.978.680	16.944.685
	-	
30 - Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Lãi tiền vay	4.328.258.838	1.495.124.886
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác		
Tổng cộng	4.328.258.838	1.495.124.886
	-	
31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
32 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
33 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II năm 2010	Quý II năm 2009
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.841.714.586	20.740.993.615
- Chi phí nhân công	4.467.726.858	3.233.692.163
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.495.657.608	1.768.267.838
- Chi phí động lực	7.629.213.500	6.874.164.840

CÔNG TY CỔ HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành Phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính quý II năm 2010

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.898.455.057	1.307.961.386
- Chi phí khác bằng tiền	4.052.351.271	2.548.040.279
Tổng cộng	36.385.118.880	36.473.120.121

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**34 - Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****Quý II năm 2010****Quý II năm 2009**

a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý

- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ

c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

VIII. Thông tin khác:**1. Các khoản công nợ tiềm tàng:****2. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

*Việt Trì, ngày 20
tháng 7 năm
2010*

Lập biểu**TP ke toán****Tổng giám đốc****Lê Thị Minh Hoa****Lai Thị Hạnh Nga****Đào Quang Tuyến**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT TRÌ

Phường Thọ Sơn - Thành phố Việt Trì

Tỉnh Phú Thọ

**Báo cáo tài
chính quý II năm
2010 (chưa kiểm
toán)****GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*****Quý II Năm 2010*****1. So sánh chỉ tiêu lợi nhuận:***Đơn vị tính:
VNĐ*

	Chỉ tiêu	Quý II Năm 2009	Quý II Năm 2010	Chênh lệch
1.	Tổng doanh thu	39.964.356.998	36.553.664.023	(3.410.692.975)
2.	Tổng chi phí	37.826.141.156	36.385.118.880	(1.441.022.276)
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.138.215.842	168.545.143	(1.969.670.699)

2. Giải trình:

Chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của quý II năm 2010 đạt 168.545.143 đồng, so với quý II năm 2009 giảm 1.969.670.699 đồng tương đương với tỷ lệ giảm là 78,83%.

Nguyên nhân:

Do thị trường tiêu thụ gặp khó khăn nên sản lượng tiêu thụ giảm, làm cho doanh thu bán hàng giảm.

- Giá bán xút lỏng của Công ty phụ thuộc vào giá xút đặc nhập khẩu, do giá xút đặc nhập khẩu giảm nên giá bán xút lỏng của Công ty cũng bị giảm theo cụ thể

Giá bán xút quý II năm 2009 : 8.442.000đ/ 1 tấn

Giá bán xút quý II năm 2010 : 7.264.000đ/ 1 tấn

đã giảm : 1.178.000đ/1 tấn làm doanh thu giảm 2.084.000.000 đ

Giá bán HCL quý II năm 2009 : 2.099.000 đ/ 1 tấn

Giá bán HCL quý II năm 2010 : 1.745.000đ/ 1 tấn

đã giảm : 354.000đ/ 1 tấn SP làm doanh thu giảm 1.308.000.000 đ

Tỷ lệ giảm doanh thu lớn hơn tỷ lệ giảm chi phí là do :

Nguyên nhân: Mặc dù chi phí NVL (Muối) giảm do giá giảm nhưng các chi phí cố định , KH, lãi vay ngân hàng tăng đột biến do công trình sau đầu tư, mức tăng lớn, làm cho tỷ lệ chi phí giảm ít hơn tỷ lệ doanh thu giảm.

TP kế toán

*Việt Trì, ngày 20
tháng 7 năm 2010*
Tổng giám đốc

Lại Thị Hạnh Nga

Đào Quang Tuyển